

Số: /QĐ-STC

Trà Vinh, ngày tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh; và được sửa đổi tại Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh có tổng mức đầu tư không lớn hơn 10 tỷ đồng;*

*Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-BQLKKT ngày 30/10/2019 của Trưởng ban Ban Quản lý khu Kinh tế Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Long Đức (các hạng mục còn thiếu);*

*Theo báo cáo số 29/BC-STC ngày 24/01/2022 của Sở Tài chính về kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Long Đức (các hạng mục còn thiếu).
- Chủ Đầu tư: Ban Quản lý khu Kinh tế Trà Vinh.
- Địa điểm xây dựng: khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Thời gian khởi công, hoàn thành: 04/6/2020 đến 30/12/2020.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số tt	Nội dung	Dự toán được phê duyệt (điều chỉnh)	Giá trị quyết toán được phê duyệt
<b>Tổng số</b>		<b>2.891.636.097</b>	<b>2.526.289.000</b>
1	Xây dựng và thiết bị	2.444.270.659	2.290.671.000
2	Quản lý dự án	57.700.000	56.892.000
3	Tư vấn	169.075.617	164.407.000
4	Chi phí khác	82.892.864	14.319.000
5	Dự phòng	137.696.957	-

## 2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư dự án được duyệt	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi
1	2	3	4	5=3-4	6=4-3
<b>Tổng số</b>	<b>2.901.814.250</b>	<b>2.526.289.000</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>26.289.000</b>	<b>-</b>
1. Nguồn vốn đầu tư công:	2.901.814.250	2.526.289.000	2.500.000.000	26.289.000	-
- Ngân sách tỉnh:	2.901.814.250	2.526.289.000	2.500.000.000	26.289.000	-
2. Nguồn vốn khác:					

## 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số:</b>			<b>2.526.289.000</b>	
1. Tài sản dài hạn:			2.526.289.000	
2. Tài sản ngắn hạn:				

## 4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

## Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>2.526.289.000</b>	
1. Nguồn vốn đầu tư công:	2.526.289.000	
- Ngân sách tỉnh:	2.526.289.000	
2. Nguồn vốn khác:		

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày 04 tháng 03 năm 2021 là:

- Tổng nợ phải thu: 26.289.000 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 26.289.000 đồng.

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Trung tâm Quản lý hạ tầng Khu Kinh tế, khu công nghiệp	<b>2.526.289.000</b>	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

Hoàn tất thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư theo khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán được duyệt.

4. Các nghiệp vụ khác: không.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chủ Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Như điều 5;
- Trung tâm QLHT Khu KT, KCN;
- Lưu: VT, TCĐT.

**Tiêu Thanh Tân**